

TTĐT (V)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 67/2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2024

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: C
	Ngày: 25/6/2024

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 76/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành và Nghị định số 77/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định việc quản lý, khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; dịch vụ công trực tuyến phục vụ cấp, quản lý, kiểm soát hộ chiếu của công dân Việt Nam;
kiểm soát xuất nhập cảnh bằng công kiểm soát tự động

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 24 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 76/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành và Nghị định số 77/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định việc quản lý, khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; dịch vụ công trực tuyến phục vụ cấp, quản lý, kiểm soát hộ chiếu của công dân Việt Nam; kiểm soát xuất nhập cảnh bằng công nghệ kiểm soát tự động.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 76/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. 01 tờ khai theo Mẫu M01a ban hành kèm theo Nghị định này đã điền đầy đủ thông tin. Tờ khai của các trường hợp dưới đây thì thực hiện như sau:”

a) Người quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định này thì tờ khai phải có xác nhận và đóng dấu giáp lai ảnh của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trực tiếp quản lý;

b) Người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người chưa đủ 14 tuổi thì tờ khai do người đại diện hợp pháp khai và ký tên;

c) Người chưa đủ 16 tuổi đề nghị cấp chung giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc với cha hoặc mẹ thì tờ khai phải do cha hoặc mẹ khai và ký tên.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Giấy tờ khác đối với các trường hợp dưới đây:

a) 01 bản sao Giấy khai sinh hoặc Trích lục ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với người chưa đủ 14 tuổi chưa được cấp mã số định danh cá nhân; trường hợp nộp bản chụp thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu;

b) 01 bản sao có chứng thực giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp chứng minh người đại diện theo pháp luật đối với người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người chưa đủ 14 tuổi; trường hợp nộp bản chụp thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu;

c) Giấy thông hành đã được cấp, nếu còn giá trị sử dụng;

d) Giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đối với trường hợp ủy quyền nộp hồ sơ.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 6 như sau:

“a) 01 bản sao có chứng thực quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; trường hợp nộp bản chụp thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu;”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“1. Người đề nghị cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam - Campuchia trực tiếp nộp hồ sơ tại Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh có chung đường biên giới với Campuchia nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp người đó làm việc có trụ sở hoặc trên môi trường điện tử tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Bộ Công an.

2. Người đề nghị cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam - Lào nộp hồ sơ như sau:

a) Công dân Việt Nam thường trú tại tỉnh có chung đường biên giới với Lào trực tiếp nộp hồ sơ tại Công an cấp xã nơi thường trú hoặc Công an cấp huyện nơi thường trú hoặc Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi thường trú hoặc trên môi trường điện tử tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Bộ Công an;

b) Công dân Việt Nam không thường trú ở tỉnh có chung đường biên giới với Lào nhưng làm việc trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở tại tỉnh có chung đường biên giới với Lào trực tiếp nộp hồ sơ tại Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp người đó làm việc có trụ sở hoặc trên môi trường điện tử tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Bộ Công an.

3. Người đề nghị cấp giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định này trực tiếp nộp hồ sơ tại Công an cấp xã nơi thường trú hoặc trên môi trường điện tử tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Bộ Công an.

4. Người đề nghị cấp giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định này trực tiếp nộp hồ sơ tại Công an cấp huyện nơi cơ quan người đó làm việc có trụ sở hoặc trên môi trường điện tử tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Bộ Công an.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Nghị định này cấp giấy thông hành và trả kết quả cho người đề nghị. Trường hợp chưa cấp thì trả lời bằng văn bản, nêu lý do.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 7 Nghị định này cấp giấy thông hành và trả kết quả cho người đề nghị. Trường hợp chưa cấp thì trả lời bằng văn bản, nêu lý do.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Trường hợp bị mất giấy thông hành ở trong nước, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi phát hiện giấy thông hành bị mất, người bị mất giấy thông hành trực tiếp nộp hoặc gửi đơn trình báo mất giấy thông hành theo mẫu M02a ban hành kèm theo Nghị định này cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh hoặc Công an cấp huyện, cấp xã nơi thuận lợi hoặc trên môi trường điện tử tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Bộ Công an. Trường hợp vì lý do bất khả kháng, thời hạn nộp hoặc gửi đơn báo mất giấy thông hành có thể dài hơn nhưng trong đơn phải giải thích cụ thể về lý do bất khả kháng.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đơn trình báo mất giấy thông hành, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm thông báo đến cơ quan cấp giấy thông hành để hủy giá trị sử dụng theo quy định tại khoản 4 Điều này.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Trường hợp bị mất giấy thông hành ở nước ngoài, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi phát hiện giấy thông hành bị mất, người bị mất giấy thông hành phải báo cho cơ quan chức năng của nước sở tại để làm các thủ tục xác nhận việc mất giấy thông hành và được tạo điều kiện cho xuất cảnh; khi về nước phải trình báo về việc mất giấy thông hành với đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh của Việt Nam tại cửa khẩu.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn trình báo mất giấy thông hành hoặc thông báo về việc chuyển đơn trình báo mất giấy thông hành hoặc giấy chứng nhận nhập cảnh của đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu, cơ quan cấp giấy thông hành thực hiện việc hủy giá trị sử dụng giấy thông hành bị mất và thông báo cho bộ đội biên phòng tỉnh nơi công dân được cấp giấy thông hành.”.

6. Tại khoản 2 Điều 4 thay cụm từ “có hộ khẩu thường trú” bằng cụm từ “thường trú”; tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 bổ sung cụm từ “hoặc thẻ Căn cước” sau cụm từ “hoặc thẻ căn cước công dân”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định việc quản lý, khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; dịch vụ công trực tuyến phục vụ cấp, quản lý, kiểm soát hộ chiếu của công dân Việt Nam; kiểm soát xuất nhập cảnh bằng công kiểm soát tự động

1. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 6 như sau:

“1a. Các cơ quan Đảng, Quốc hội được đề nghị cung cấp thông tin về xuất nhập cảnh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh của cán bộ, công chức làm việc tại cơ quan để phục vụ công tác quản lý cán bộ theo quy định.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 1a Điều 6 Nghị định này:

a) Đối với cơ quan bảo đảm điều kiện về cơ sở hạ tầng, việc kết nối, chia sẻ dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này được thực hiện theo quy định tại Chương III của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

b) Đối với cơ quan chưa bảo đảm điều kiện về cơ sở hạ tầng hoặc do yêu cầu công tác, cơ quan đề nghị cung cấp thông tin gửi văn bản đến cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh hoặc Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi có trụ sở làm việc. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan tiếp nhận văn bản đề nghị trả lời kết quả bằng văn bản cho cơ quan yêu cầu.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này:

a) Công dân trực tiếp hoặc gửi đơn đề nghị theo mẫu M03a ban hành kèm theo Nghị định này đến cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh hoặc Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi thuận lợi hoặc Công an cấp huyện nơi thường trú, tạm trú hoặc trên môi trường điện tử tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Bộ Công an;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này trả lời bằng văn bản cho người đề nghị.”.

3. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 10 như sau:

“4. Căn cứ tình hình thực tiễn, Bộ Công an chủ trì, phối hợp Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng báo cáo Chính phủ quyết định diện đối tượng được đăng ký xuất cảnh, nhập cảnh qua cổng kiểm soát tự động và diện đối tượng được xuất cảnh, nhập cảnh qua cổng kiểm soát tự động theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này trong trường hợp cần thiết để bảo đảm đáp ứng yêu cầu đối ngoại, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.”.

Điều 3. Ban hành kèm theo Nghị định này các biểu mẫu

1. Mẫu M01a thay thế mẫu số M01 ban hành kèm theo Nghị định số 76/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành.

2. Mẫu M02a thay thế mẫu số M02 ban hành kèm theo Nghị định số 76/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng, giấy thông hành.

3. Mẫu M03a thay thế mẫu số M03 ban hành kèm theo Nghị định số 77/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định việc quản lý, khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; dịch vụ công trực tuyến phục vụ cấp, quản lý, kiểm soát hộ chiếu của công dân Việt Nam; kiểm soát xuất nhập cảnh bằng cổng kiểm soát tự động.

4. Mẫu M04 thông báo về việc chuyển đơn trình báo mất giấy thông hành.

5. Mẫu M05 thông báo về việc hủy giá trị sử dụng giấy thông hành.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 8 năm 2024.

2. Giấy thông hành biên giới Việt Nam - Lào đã cấp cho công dân trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành có giá trị sử dụng đến hết thời hạn ghi trong giấy thông hành.

3. Trường hợp công dân đề nghị cấp giấy thông hành; trình báo mất giấy thông hành; xác nhận, cung cấp thông tin nhưng chưa được giải quyết khi Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục áp dụng quy định của Nghị định số 76/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng, giấy thông hành và Nghị định số 77/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định việc quản lý, khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; dịch vụ công trực tuyến phục vụ cấp, quản lý, kiểm soát hộ chiếu của công dân Việt Nam; kiểm soát xuất nhập cảnh bằng công kiểm soát tự động.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2b).TM₄₀





Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 67/2024/NĐ-CP
ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu M01a	Tờ khai đề nghị cấp giấy thông hành
Mẫu M02a	Đơn trình báo mất giấy thông hành
Mẫu M03a	Đơn đề nghị xác nhận, cung cấp thông tin
Mẫu M04	Thông báo về việc chuyển đơn trình báo mất giấy thông hành
Mẫu M05	Thông báo về việc hủy giá trị sử dụng giấy thông hành



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu M01a

Ảnh cỡ 4 x 6 cm
mới chụp, mặt
nhìn thẳng, đầu
để trần, không
đeo kính màu,
phông nền trắng
(1)

**TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY THÔNG HÀNH**

1. Họ Chữ đệm và tên⁽¹⁾
 2. Giới tính⁽⁶⁾: Nam Nữ
 3. Sinh ngày..... tháng..... năm..... Nơi sinh (tỉnh, thành phố).....
 4. Số CMND/số CCCD/số CC hoặc số ĐDCN:..... Ngày cấp:/...../.....
 5. Dân tộc⁽⁶⁾
 6. Tôn giáo⁽⁶⁾
 7. Số điện thoại.....
 8. Nơi đăng ký thường trú⁽⁶⁾
 9. Chỗ ở hiện nay⁽⁶⁾
 10. Nghề nghiệp
 11. Tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức doanh nghiệp nơi đang làm việc (nếu có)
 12. Cửa khẩu qua lại
 13. Trẻ em dưới 16 tuổi đề nghị cấp chung giấy thông hành⁽³⁾:
 - Họ và tên (chữ in hoa).....
 - Sinh ngày...tháng...năm ... Nơi sinh (tỉnh, thành phố).....
 - Số định danh cá nhân (nếu có).....
 14. Nội dung đề nghị⁽⁴⁾:.....
- Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai trên.

Ảnh mới chụp của
trẻ em đi cùng
giấy thông hành,
cỡ 3 x 4 cm, mặt
nhìn thẳng đầu để
trần, không đeo
kính màu, phông
nền trắng (2)

Xác nhận của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp⁽⁵⁾ Làm tại....., ngày... tháng.... năm....
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Họ, chữ đệm và tên viết bằng chữ in hoa.
- (2) Dán 01 ảnh vào khung, kèm theo 01 ảnh để cấp giấy thông hành.
- (3) Dành cho trường hợp trẻ em dưới 16 tuổi đề nghị cấp chung giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc.
- (4) Ghi rõ nội dung đề nghị. Ví dụ: Đề nghị cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam - Campuchia; đề nghị cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam - Lào; đề nghị cấp giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc.
- (5) Xác nhận của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong trường hợp người đề nghị cấp giấy thông hành là cán bộ, công chức, viên chức, công nhân.
- (6) Chỉ yêu cầu công dân cung cấp khi cán bộ tiếp nhận hồ sơ không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN TRÌNH BÁO MẤT GIẤY THÔNG HÀNH
(Dùng cho công dân Việt Nam bị mất giấy thông hành ở trong nước)

Kính gửi:⁽¹⁾.....

1. Họ Chữ đệm và tên⁽²⁾
2. Giới tính⁽³⁾: Nam Nữ
3. Sinh ngày tháng năm ..Nơi sinh (tỉnh, thành phố)
4. Số CMND/số CCCD/số CC hoặc số ĐDCN:..... Ngày cấp: .../.. /.....
5. Số điện thoại
6. Nơi đăng ký thường trú⁽³⁾
-
7. Chỗ ở hiện nay⁽³⁾.....
8. Số giấy thông hành bị mất:..... ngày cấp:..... /..... /.....
9. Cơ quan cấp giấy thông hành:.....
10. Giấy thông hành trên đã bị mất vào hồi: giờ, ngày...../...../
11. Tại
12. Hoàn cảnh và lý do bị mất giấy thông hành:
-
-
-
-
-

Tôi xin cam đoan nội dung trình báo trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Làm tại, ngày ... tháng năm....

Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi rõ tên cơ quan trình báo mất giấy thông hành theo quy định.
- (2) Họ, chữ đệm và tên viết bằng chữ in hoa.
- (3) Chỉ yêu cầu công dân cung cấp khi cán bộ tiếp nhận hồ sơ không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN, CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi⁽¹⁾:

Tên tôi là:.....

Số CMND/số CCCD/số CC hoặc số ĐDCN:..... Ngày cấp: .../.../.....

Lý do đề nghị xác nhận, cung cấp:.....

Tôi đề nghị⁽¹⁾..... xác nhận, cung cấp cho tôi thông tin như sau⁽²⁾:

Đã được cấp hộ chiếu/giấy thông hành số: ... Ngày cấp: ... Nơi cấp:..

Thời điểm xuất cảnh, nhập cảnh:.....

Cửa khẩu xuất cảnh, nhập cảnh:.....

Bảng hộ chiếu/giấy thông hành số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Tôi xin cam đoan việc đề nghị xác nhận, cung cấp thông tin đúng lý do đã nêu ở trên. Nếu sai, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tôi xin chân thành cảm ơn quý cơ quan.

Làm tại..., ngày tháng ... năm....

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ⁽³⁾

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ tên cơ quan đề nghị xác nhận, cung cấp thông tin liên quan đến xuất nhập cảnh của công dân (cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh hoặc Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi thuận lợi hoặc Công an huyện, thị xã, thành phố nơi thường trú, tạm trú).

(2) Trường hợp người đề nghị đã được cấp nhiều hộ chiếu/giấy thông hành hoặc đã xuất cảnh, nhập cảnh nhiều lần thì ghi thêm vào tờ khai thông tin các hộ chiếu/giấy thông hành đã được cấp hoặc thời điểm các lần xuất cảnh, nhập cảnh.

(3) Trường hợp người bị mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người chưa đủ 14 tuổi thì do người đại diện hợp pháp khai, ký thay và nộp kèm bản sao giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp chứng minh người đại diện hợp pháp; trường hợp không có bản sao thì nộp kèm bản chụp và xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu.

Mẫu M04

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO
Về việc chuyển đơn trình báo mất giấy thông hành

Kính gửi:.....⁽²⁾.....

Ngày / /,⁽¹⁾..... tiếp nhận đơn trình báo mất giấy thông hành của người có nhân thân như sau:

Họ Chữ đệm và tên⁽³⁾:Giới tính: Nam Nữ

Sinh ngày:..../..../ Nơi sinh (tỉnh, thành phố):

Số CMND/số CCCD/số CC hoặc số ĐDCN:.....

Số giấy thông hành bị mất:

.....⁽¹⁾..... chuyển đơn trình báo mất giấy thông hành để quý cơ quan xử lý theo quy định (kèm theo).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Người gửi đơn;
- Lưu:

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cơ quan tiếp nhận đơn trình báo mất giấy thông hành.

(2) Cơ quan cấp giấy thông hành bị mất.

(3) Cơ quan tiếp nhận ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người có đơn trình báo mất giấy thông hành.

...⁽¹⁾....
—

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

..., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO
Về việc hủy giá trị sử dụng giấy thông hành

Kính gửi:⁽²⁾.....

.....⁽¹⁾..... nhận được đơn đề ngày...../.../..... của ông (bà) trình báo về việc bị mất hộ chiếu, thông tin cụ thể như sau:

Họ và tên người được cấp giấy thông hành

Giới tính: Nam Nữ

Sinh ngày:...../.../..... Nơi sinh (tỉnh, thành phố):

Số giấy thông hành bị mất: ngày cấp/...../.....

Cơ quan cấp giấy thông hành:

Thực hiện quy định của pháp luật,⁽¹⁾..... đã hủy giá trị sử dụng của giấy thông hành bị mất, số nêu trên.

Xin thông báo để quý cơ quan biết.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN*(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)***Ghi chú:**

(1) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy thông hành.

(2) Bộ đội biên phòng tỉnh nơi công dân được cấp giấy thông hành.